

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí cho Sở Giao thông Vận tải để thực hiện
công tác bảo trì đường bộ năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 26/02/2024 (khoản 4, Thông báo số 56/TB-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh) và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 133/SGTVT-KCHT ngày 15/01/2024 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 68/TTr-STC ngày 07/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán kinh phí năm 2024 cho Sở Giao thông vận tải, số tiền: **92.021.000.000 đồng** (Chín mươi hai tỷ, không trăm hai mươi một triệu đồng), để thực hiện công tác bảo trì đường bộ, cụ thể như sau:

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Mục III Phần B Phụ lục kèm theo Quyết định 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh: 62.933 triệu đồng;

- Nguồn Sự nghiệp kinh tế tại gạch đầu dòng thứ 2, điểm 2.5, khoản 2 Mục II Phần B Phụ lục kèm theo Quyết định 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh: 29.088 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, chế độ tài chính hiện hành và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi, hướng dẫn Sở Giao thông vận tải thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ BẢO TRÌ ĐỊNH KỲ ĐƯỜNG BỘ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Số TT	Danh mục công trình	Tổng mức đầu tư	Dự toán phân bổ đợt này		
			Tổng cộng	Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu	Nguồn sự nghiệp kinh tế
1	2	3	4=5+6	5	6
	TỔNG CỘNG	137.408.269.000	92.021.000.000	62.933.000.000	29.088.000.000
I	CÔNG TRÌNH SCDK NĂM 2023 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2024	60.000.000.000	26.633.000.000		26.633.000.000
1	Sửa chữa mặt đường tuyến ĐT.606 để đảm bảo giao thông, lý trình Km14+592-Km43+300	60.000.000.000	26.633.000.000		26.633.000.000
II	CÔNG TRÌNH SCDK NĂM 2024	77.408.269.000	65.388.000.000	62.933.000.000	2.455.000.000
1	Sửa chữa mặt đường hư hỏng nặng đoạn Km3+030 - Km7+100, tuyến ĐT.607	14.990.000.000	12.737.000.000	12.139.000.000	598.000.000
2	Sửa chữa lề đường, mương dọc giải quyết đọng nước cục bộ mặt đường các khu vực đông dân cư, tuyến ĐT.611	13.267.478.000	11.157.000.000	9.300.000.000	1.857.000.000
3	Sửa chữa lề đường, mương dọc giải quyết đọng nước cục bộ mặt đường trước khu vực đông dân cư, tuyến ĐT.611B	4.500.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	
4	Sửa chữa mặt đường hư hỏng nặng đoạn Km23+963 - Km25+130, tuyến ĐT.613B	4.573.653.000	3.800.000.000	3.800.000.000	
5	Sửa chữa mặt đường, lề đường hư hỏng nặng đoạn Km1+280 - Km2+200, tuyến ĐT.614	12.853.523.000	10.900.000.000	10.900.000.000	
6	Sửa chữa mặt đường, lề đường và hệ thống thoát nước đoạn Km10+00 - Km12+00, tuyến ĐT.617	7.000.000.000	5.900.000.000	5.900.000.000	
7	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km17+120 - Km19+120 và cầu tràn Sông Tranh 3 tại Km18+320, tuyến ĐT.615B (lý trình sau hiệu chỉnh là sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km16+630 - Km18+744,79 và cầu tràn Sông Tranh 3 tại Km17+718,24)	12.289.912.000	10.400.000.000	10.400.000.000	
8	Bổ sung hệ thống hỗ trợ an toàn giao thông trên các tuyến ĐT.605, ĐT.606, ĐT.611, ĐT.611B, ĐT.617	5.000.000.000	4.200.000.000	4.200.000.000	
9	Hoàn thiện hệ thống cọc H, cọc Km, cọc mốc lộ giới và chỉnh trang hệ thống ATGT các tuyến mới chuyển thành đường tỉnh (ĐT.615, ĐT.615B)	2.933.703.000	2.494.000.000	2.494.000.000	